|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2018/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**DỰ THẢO LẦN 3**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực thể thao không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động thể dục, thể thao trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thể dục, thể thao trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao theo Nghị định này bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp;

c) Văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế;

d) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể dục, thể thao;

đ) Câu lạc bộ thể dục, thể thao;

e) Các tổ chức khác là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thể dục, thể thao.

3. Các đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như đối với cá nhân.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thể dục, thể thao.

**Điều 3. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính**

1. Các hình thức xử phạt chính

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo.

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

 b) Tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể thao không bảo đảm theo quy định;

c) Đình chỉ hoạt động thể dục, thể thao có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

d) Trục xuất.

**Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả**

 Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 3 Nghị định này còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

2. Buộc hủy bỏ kết quả phong đẳng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài.

3. Buộc hủy bỏ kết quả, thành tích thi đấu thể thao, kết quả tuyển chọn vào đội tuyển thể thao.

4. Buộc tiêu hủy tài liệuhướng dẫn sử dụng phương pháp bị cấm trong tập luyện, thi đấu thể thao.

5. Buộc tiêu hủy giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao giả.

6. Buộc tạm dừng hoạt động cho đến khi đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Đình chỉ việc tổ chức giải thi đấu thể thao.

8. Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao.

9. Buộc trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện tập luyện, thi đấu, huấn luyện.

10. Buộc xin lỗi công khai.

11. Buộc bồi thường chi phí khám, chữa trị chấn thương.

**Điều 5. Mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực thể thao**

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thể thao là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Mức phạt tiền quy định tại các Điều 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,18, khoản 1 Điều 19 và Điều 20 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân. Mức phạt tiền quy định tại Điều 16, Điều 17 và khoản 2 Điều 19 của Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 6. Hành vi** **vi phạm quy định về sử dụng chất kích thích trong tập luyện, thi đấu thể thao**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất kích thích thuộc Danh mục bị cấm trong tập luyện, thi đấu thể thao.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bao che, tổ chức cho vận động viên sử dụng chất kích thích thuộc Danh mục bị cấm trong tập luyện, thi đấu thể thao.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Hành vi** **vi phạm quy định về sử dụng phương pháp bị cấm trong tập luyện, thi đấu thể thao**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp tập luyện, thi đấu thể thao mang tính chất khiêu dâm, đồi trụy, kích động bạo lực trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp tập luyện, thi đấu thể thao gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người tập luyện, thi đấu, trừ những bài tập, môn thể thao, phương pháp tập luyện, thi đấu thể thao được pháp luật cho phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể thao không bảo đảm theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tài liệu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 8. Hành vi gian lận trong hoạt động thể thao**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian lận về tên, tuổi, giới tính, thành tích để được tuyển chọn, tham gia thi đấu thể thao.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bao che, dụ dỗ, ép buộc người khác gian lận trong hoạt động thể thao.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch kết quả thi đấu thể thao.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

b) Buộc hủy bỏ kết quả thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

**Điều 9. Hành vi bạo lực trong tập luyện, thi đấu thể thao**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chửi bới, lăng mạ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự; đe dọa xâm phạm sức khỏe, tính mạng; phản ứng không phù hợp với đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam khi tham gia hoạt động thể thao *nhưng chưa đến mức xử lý hình sự*.

2.Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi cố ý gây chấn thương, chơi thô bạo gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người khác trong tập luyện, thi đấu thể thao *nhưng chưa đến mức xử lý hình sự*.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Buộc xin lỗi công khai đối với hành vi chửi bới, lăng mạ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc bồi thường chi phí khám, chữa trị chấn thương đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chương trình, giáo án của huấn luyện viên.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành luật thi đấu của môn thể thao, điều lệ giải thể thao.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không sơ cứu, cấp cứu kịp thời cho vận động viên;

b) Không đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, phương tiện an toàn cho vận động viên khi tập luyện, thi đấu thể thao theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện tập luyện, thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 11. Hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không xây dựng kế hoạch, chương trình huấn luyện thể thao trình cơ quan sử dụng vận động viên phê duyệt;

b) Không thực hiện kế hoạch, chương trình huấn luyện thể thao sau khi được cơ quan sử dụng vận động viên phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho vận động viên trong tập luyện, thi đấu thể thao;

b) Không chấp hành luật thi đấu của môn thể thao, điều lệ giải thể thao.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm trang thiết bị huấn luyện cho huấn luyện viên thể thao theo quy định;

b) Không thực hiện các biện pháp an toàn trong huấn luyện cho huấn luyện viên thể thao theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện huấn luyện đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 3 Điều này.

**Điều 12. Hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của trọng tài thể thao thành tích cao**

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không trung thực, khách quan trong điều hành thi đấu thể thao.

**Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về phong đẳng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phong đẳng cấp vận động viên không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phong đẳng cấp huấn luyện viên, trọng tài không đúng quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả phong đẳng cấp đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này

**Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thành lập Ban tổ chức giải thi đấu theo quy định;

b) Không có Điều lệ giải thi đấu theo quy định;

c) Không có kế hoạch tổ chức giải thi đấu theo quy định;

d) Không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức, kết quả giải thi đấu theo quy định;

đ) Không bảo đảm điều kiện an ninh, y tế, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tổ chức giải thi đấu;

e) Không bảo đảm về thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình thi đấu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức giải thi đấu thể thao không đúng thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chỉ việc tổ chức giải thi đấu thể thao theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c, đ, e khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 15. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh hoạt động thể thao đối với các môn thể thao mạo hiểm hoặc các môn thể thao bắt buộc phải có người hướng dẫn**

Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hoạt động các môn thể thao mạo hiểm hoặc các môn thể thaobắt buộcphải có người hướng dẫn mà không đăng ký thành lập doanh nghiệp.

**Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định;

b) Không nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh hoạt động thể thao mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của tổ chức khác để hoạt động;

b) Cho tổ chức khác sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Hành vi vi phạm các quy định về điều kiện cơ sở vật chất, vùng hoạt động trong kinh doanh hoạt động thể thao**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có bảng nội quy, bảng hướng dẫn, cờ hiệu, phao neo, cờ định vị, phao tiêu theo quy định;

b) Không có khu vực thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân, khu tắm tráng, nhà vệ sinh theo quy định;

c) Không có khu vực rửa chân trước khi người tập xuống bể bơi theo quy định;

d) Không bảo đảm về kiểu dáng, thiết kế, màu sắc, độ phẳng, độ trơn trượt phù hợp đối với từng môn thể thao theo quy định;

đ) Không bảo đảm các điều kiện về âm thanh, ánh sáng theo tiêu chuẩn của từng môn thể thao theo quy định;

e) Không có túi sơ cứu theo quy định;

g) Không đảm bảo đầy đủ thiết bị sơ cứu, cấp cứu ban đầu theo quy định;

h) Khu vực xuất phát, khu vực đỗ đáp không bảo đảm các điều kiện của từng môn thể thao theo quy định;

i) Không đảm bảo đầy đủ biển báo hiệu, đèn báo hiệu hoặc bảng thông báo khu vực nguy hiểm, bảng cấm, bảng khuyến cáo theo quy định;

k) Không đảm bảo đầy đủ phao cứu sinh, áo phao, sào cứu hộ, ghế cứu hộ theo quy định đối với các môn thể thao dưới nước;

l) Không có sổ theo dõi người sử dụng dịch vụ của từng môn thể thao theo quy định;

m) Không đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ an toàn đối với từng môn thể thao theo quy định.

n) Không đảm bảo kích thước lưới chắn, rào chắn, tường bao đối với từng môn thể thao theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm tổ chức hoạt động thể thao không bảo đảm diện tích theo quy định;

b) Không đảm bảo về mặt bằng, mặt sàn, kích thước, độ sâu, độ dốc, độ gấp khúc, chiều cao, mái che phù hợp đối với từng môn thể thao theo quy định;

c) Không đảm bảo về tiêu chuẩn chất lượng nước bể bơi theo quy định;

d) Không đảm bảo về tiêu chuẩn mật độ người tham gia tập luyện theo quy định;

đ) Không đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách giữa các dụng cụ, trang thiết bị theo quy định;

e) Không đảm bảo điều kiện về thông tin liên lạc trong an toàn cứu nạn theo quy định;

g) Không có trạm quan sát phục vụ công tác cứu nạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đảm bảo vùng hoạt động đối với các môn thể thao có điều kiện về vùng hoạt động theo quy định;

b) Vùng hoạt động thể dục, thể thao không đúng với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bến bãi neo đậu phương tiện hoạt động thể dục, thể thao không đúng với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Vị trí cửa ra vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện hoạt động thể dục, thể thao không đúng quy định;

đ) Không đảm bảo về các điều kiện cơ sở vật chất khác theo quy định pháp luật trong kinh doanh hoạt động thể thao.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tạm dừng hoạt động cho đến khi đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với các hành vi vi phạm tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 18. Hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị, phương tiện đối với từng môn thể thao**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trang thiết bị, phương tiện không bảo đảm các yêu cầu của từng môn thể thao theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, giấy chứng nhận về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định pháp luật đối với từng môn thể thao.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với với hành vi hoạt động thể thao trên sông, trên biển, trên hồ lớn không có xuồng máy cứu sinh theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tạm dừng hoạt động cho đến khi đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với các hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 19. Hành vi vi phạm quy định điều kiện về nhân viên chuyên môn**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao, nhân viên cứu hộ, nhân viên y tế không đáp ứng điều kiện chuyên môn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hoặc có nhưng không đủ số lượng người hướng dẫn tập luyện thể thao, nhân viên cứu hộ theo quy định;

b) Không có nhân viên y tế thường trực hoặc không có văn bản thoả thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế theo quy định khi hoạt động thể dục thể thao;

c) Sử dụng người hướng dẫn tập luyện thể thao, nhân viên cứu hộ, nhân viên y tế không có văn bằng hoặc không có chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn đáp ứng điều kiện phù hợp với hoạt động thể thao theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tạm dừng hoạt động cho đến khi đáp ứng các yêu cầu điều kiện về nhân viên chuyên môn đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 20. Hành vi vi phạm quy định khác trong hoạt động thể dục, thể thao**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lạm dụng quyền hoặc dùng ảnh hưởng của mình để ngăn cản các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao;

b) Cố ý cản trở hoạt động thể dục, thể thao hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2**.** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thể dục, thể thao để xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín của con người.

4.Hình thức xử phạt bổ xung:

Đình chỉ hoạt động thể dục, thể thao có thời hạn từ 01 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ**

**THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 21. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra chuyên ngành**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 35.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu thể thao không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hoặc đình chỉ hoạt động thể dục, thể thao có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao từ 01 tháng đến 24 tháng;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

**Điều 22. Thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu thể thao không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hoặc đình chỉ hoạt động thể dục, thể thao có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3.Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu thể thao không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hoặc đình chỉ hoạt động thể dục, thể thao có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

**Điều 23. Thẩm quyền của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng;

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 2.500.000 đồng.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm vê môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh, Trưởng phòng Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động về thể dục thể thao; tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu thể thao không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

**Điều 24. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định tại Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

**Điều 25. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định tại Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

**Điều 26. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trường phòng chống hàng giả, Trường phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao từ 01 tháng đến 6 tháng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

**Điều 27. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 3 Điều 18, Điều 20 Nghị định này.

3. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này như sau:

a) Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thanh tra Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này;

b) Thanh tra Giao thông Vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; điểm a,b,c,d khoản 3 Điều 17 Nghị định này;

c) Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14 Nghị định này;

d) Thanh tra Tài nguyên - Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14 Nghị định này;

đ) Thanh tra Y tế có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy đinh tại Điều 6; Điều 14; Điểm c khoản 2 Điều 17; Khoản 1 điều 19 Nghị định này;

e) Thanh tra Giáo dục có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy đinh tại Điều 14 Nghị định này;

f) Thanh tra Thông tin - Truyền thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; điểm e khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu qủa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; điểm a,b,c,d khoản 3 Điều 17; khoản 3 Điều 18 Nghị định này.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu qủa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; điểm a,b,c,d khoản 3 Điều 17; khoản 3 Điều 18 Nghị định này.

6. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu qủa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

**Điều 28. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

Các chức danh quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26 của Nghị định này và công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đang thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

**CHƯƠNG IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 29. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…. .

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Mục 2 Chương II Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo và khoản 28 Điều 2 Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo hết hiệu lực.

**Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới được phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

**Điều 31. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách Xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |